

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIO LINH
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/DS-ST

Ngày: 13/8/2024

“Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIO LINH, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Tạ Thanh Tuấn;

Các hội thẩm nhân dân: ông Lê Đình Luận;

ông Hồ Văn Quý.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gio Linh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gio Linh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024, về việc *“Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S tiền có ngay; địa chỉ trụ sở chính: số A đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: ông Kanokwatpaisal N – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh N1, sinh năm: 1991; địa chỉ: số H Quốc lộ I, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (*Theo Văn bản ủy quyền số 293/2023/UQ-SVN ngày 25/10/2023*); có mặt.

- Bị đơn: ông Nguyễn Đăng D, sinh năm: 2001; địa chỉ: thôn N, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 21/3/2024 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 13/6/2023, ông Nguyễn Đăng D đã ký với Công ty TNHH S tiền có ngay – Chi nhánh G, Quảng Trị Hợp đồng cầm cố tài sản số GHM230601005NA20X, số đăng ký giao dịch bảo đảm trên hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục Đ1: Giaodichbaodam/botuphap: 1510046776 theo web: <http://dktructuyen.moj.gov.vn/> để cầm cố tài sản là 01 xe mô tô hai bánh BKS 74B1-235.21, loại xe Honda Winner X; màu Cam Trắng Đ; số khung:

RLHKC3078KY01593, số máy: KC34E1033389; giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 017096 do Công an tỉnh Q cấp ngày 27/3/2020 để nhận số tiền 12.100.000 đồng (mười hai triệu một trăm nghìn đồng); thời hạn cầm cố là 18 (mười tám) tháng (từ ngày 13/6/2023 - 13/12/2024); lãi suất 1,1%/tháng; lãi quá hạn (phí trễ hạn) bằng 150% lãi suất cầm cố trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; phí quản lý hồ sơ 0,5%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền; mục đích cầm cố: Phục vụ tiêu dùng cá nhân. Sau khi ký hợp đồng cầm cố tài sản, do nhu cầu cần xe đi lại nên cùng ngày 13/6/2023, ông Nguyễn Đăng D đã ký giấy mượn xe với Công ty TNHH S tiền có ngay để mượn lại xe mô tô hai bánh BKS 74B1-235.21 làm phương tiện đi lại với thời hạn là 01 (một) tháng từ 13/6/2023 - 13/7/2023 với mức phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn là 3%/tháng; địa điểm trả xe là Chi nhánh G, Quảng Trị. Quá trình thực hiện hợp đồng, đến nay ông D chưa thanh toán tiền gốc và lãi phát sinh và cũng không trả lại xe đã mượn cho Công ty. Mặc dù Công ty đã yêu cầu nhiều lần nhưng ông D vẫn cố tình không thực hiện việc trả nợ vay và xe đã mượn cho Công ty.

Vì vậy, Công ty TNHH S tiền có ngay khởi kiện yêu cầu Tòa án xử buộc ông Nguyễn Đăng D phải thanh toán số tiền vay là 17.093.000 đồng tính đến ngày 21/3/2024, trong đó nợ gốc: 11.513.600 đồng, lãi: 1.188.140 đồng, phí quản lý hồ sơ: 540.063 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn: 2.904.000 đồng, phí trễ hạn (lãi quá hạn): 946.953 đồng.

Trường hợp ông Nguyễn Đăng D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là xe mô tô BKS 74B1-235.21, loại xe Honda Winner X mà ông D đã cầm cố. Buộc ông D phải trả lại xe đã cầm cố cho Công ty. Ngoài ra ông D còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày Tòa án ra quyết định hoặc bản án cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Tại phiên tòa, phía nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với các yêu cầu buộc ông D thực hiện gồm:

- + Khoản phí quản lý hồ sơ 540.063 đồng,
- + một phần lãi quá hạn: 151.823 đồng,
- + Trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không đủ số tiền còn thiếu cho nguyên đơn, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản cầm cố là xe mô tô hai bánh BKS 74B1-235.21 theo Hợp đồng cầm cố tài sản số GHM230601005NA20X ngày 13/6/2023 mà các bên đã ký để thu hồi số tiền còn thiếu.

- + Buộc ông Nguyễn Đăng D phải trả lại cho Công ty TNHH S tiền có ngay 01 xe mô tô hai bánh BKS 74B1-235.21, loại xe Honda Winner X; màu Cam Trắng Đ; số khung: RLHKC3078KY01593, số máy: KC34E1033389 do Công an tỉnh Q cấp ngày 27/3/2020 mang tên Nguyễn Đăng D.

Yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Đăng D phải thanh toán cho Công ty TNHH S tiền có ngay số tiền 18.216.000đ tính đến ngày 13/8/2024 bao gồm: nợ gốc: 11.513.600đồng, L: 1.188.14 đồng, T lãi quá hạn: 795.130 đồng; Phí bảo dưỡng và hao mòn xe: 4.719.000 đồng. Ngoài ra, ông Nguyễn Đăng D còn tiếp tục chịu lãi suất phát sinh cho đến khi trả hết khoản nợ gốc và lãi theo mức lãi suất quy định

trong hợp đồng cầm cố đã ký kết. Kể từ ngày bản án có hiệu lực công ty có quyền yêu cầu ông D thi hành án theo quy định của pháp luật.

* Bị đơn ông Nguyễn Đăng D: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông D, nhưng ông D không có mặt và cũng không có ý kiến gì. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập lần hai cho ông D đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng ông D vẫn vắng mặt

* Ý kiến Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã tiến hành tố tụng, giải quyết, xét xử vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định; người đại diện theo uỷ của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều Điều 70, 71, 86 BLTTDS; bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70 và 72 BLTTDS.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 309, 310, 311, 312, 312, 314, 315, 316, của BLDS; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH S1 - đối với ông Nguyễn Đăng D về việc: *Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*

- Buộc ông Nguyễn Đăng D phải trả cho Công ty TNHH S1 số tiền tính đến ngày 13/8/2024 số tiền 18.216.000đ, trong đó: nợ gốc: 11.513.600 đồng, tiền lãi trong hạn: 1,188.141 đồng, tiền lãi quá hạn: 795.130 đồng; Phí bảo dưỡng và hao mòn xe: 4.719.000 đồng. Ngoài ra với ông Nguyễn Đăng D còn tiếp tục chịu lãi suất phát sinh cho đến khi trả hết khoản nợ gốc và lãi theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng cầm cố đã ký kết.

2. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông D phải:

+ Trả khoản phí quản lý hồ sơ 540.063 đồng,
+ Số tiền lãi quá hạn: 151.823 đồng,
+ Trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không đủ số tiền còn thiếu cho nguyên đơn, thì nguyên đơn có quyền xử lý tài sản bảo đảm là xe mô tô hai bánh BKS 74B1-235.21 theo Hợp đồng cầm cố tài sản số GHM230601005NA20X ngày 13/6/2023;

+ Ông Nguyễn Đăng D phải trả lại cho Công ty TNHH S1 tiền có ngay 01 xe mô tô hai bánh BKS 74B1-235.21, loại xe Honda Winner X; màu Cam Trắng Đ; số khung: RLHKC3078KY01593, số máy: KC34E1033389 do Công an tỉnh Q cấp ngày 27/3/2020 mang tên Nguyễn Đăng D.

3. Về án phí: ông Nguyễn Đăng D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 21/3/2024, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì các bên đương sự tranh chấp Hợp đồng cầm cố tài sản đã ký giữa Công ty TNHH S tiền có ngay và ông Nguyễn Đăng D, nên Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là: “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thôn N, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Gio Linh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về áp dụng pháp luật: Hợp đồng cầm cố tài sản được hai bên giao kết và thực hiện từ sau ngày 01/01/2017, nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định và các điều luật của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai Thông báo thụ lý vụ án; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tại nơi cư trú và tại Ủy ban nhân dân xã G nơi ông Nguyễn Đăng D cư trú theo quy định của pháp luật. Nhưng tại phiên tòa hôm nay, ông D vẫn vắng mặt lần thứ hai mà không do trở ngại khách quan hoặc vì sự kiện bất khả kháng, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung: Hợp đồng cầm cố tài sản GHM230601005NA20X, số đăng ký giao dịch bảo đảm trên hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục Đ1: Giaodichbaodam/botuphap: 1510046776 theo web: <http://dktructuyen.moj.gov.vn/ngày 13/6/2023>, ông Nguyễn Đăng D đã ký với Công ty TNHH S tiền có ngay – Chi nhánh G, Quảng Trị thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự, là giao dịch hợp pháp, có giá trị bắt buộc với các bên tham gia giao dịch theo quy định tại các Điều 309, 310, 311, 312, 312, 314, 315 và 316 của BLDS. Tài sản ông D cầm cố là 01 xe mô tô hai bánh BKS 74B1-235.21, loại xe Honda Winner X; màu Cam Trắng Đ; số khung: RLHKC3078KY01593, số máy: KC34E1033389 do Công an tỉnh Q cấp ngày 27/3/2020 để nhận số tiền 12.100.000 đồng (mười hai triệu một trăm nghìn đồng). Tại Hợp đồng cầm cố hai bên thỏa thuận thời hạn cầm cố là 18 (mười tám) tháng (13/6/2023-13/12/2024); lãi suất 1,1%/tháng; lãi quá hạn (phí trễ hạn) bằng 150% lãi suất cầm cố trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; phí quản lý hồ sơ 0,5%/tháng; phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn xe 3%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền. Do đó, số tiền mà ông D phải trả cho nguyên đơn như sau:

- Đối với số tiền gốc: Sau khi cầm cố tài sản, ông D đã nhận số 12.100.000 (mười hai triệu một trăm nghìn) đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông D không thanh toán cho nguyên đơn tiền gốc và lãi phát sinh. Tính đến ngày 13/8/2024, ông D còn nợ nguyên đơn 11.513.600 đồng tiền gốc. Do ông D đã vi phạm các điều khoản ký trong hợp đồng cầm cố tài sản số GHM230601005NA20X ngày 13/6/2023 là không trả nợ đúng hạn. Vì vậy, cần buộc ông D phải trả cho nguyên

đơn - Công ty TNHH S tiền có ngay số tiền gốc còn thiếu là 11.513.600 đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 309, 310, 311, 312, 312, 314, 315 và 316 của BLDS.

- Đối với số tiền lãi: Quá trình thực hiện hợp đồng, ông D không thanh toán cho nguyên đơn tiền gốc và lãi phát sinh. HĐXX thấy rằng: Mặc dù đây không phải là hợp đồng vay tài sản theo quy định của BLDS, nhưng các bên có thoả thuận về lãi suất ghi trong hợp đồng cầm cố tài sản và không trái với quy định trong BLDS, nên cần chấp nhận tính lãi suất từ khi ông D vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 14/8/2023, ông D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng thoả thuận trong hợp đồng cầm cố số GHM230601005NA20X ngày 13/6/2023 mà ông D đã ký với nguyên đơn, nên ông D phải chịu lãi trong hạn, phí trễ hạn (lãi quá hạn) kể từ ngày 14/08/2023 đến ngày 13/8/2024 là 1.983.271 đồng, trong đó lãi trong hạn 1.188.141 đồng, lãi quá hạn là 795.130 đồng.

- Đối với tiền phí bảo dưỡng và hao mòn xe: Sau khi ký hợp đồng cầm cố tài sản, cùng ngày 13/6/2023, nguyên đơn và ông D có ký thoả thuận mượn xe đối với xe mô tô hai bánh BKS 74B1-235.21, loại xe Honda Winner X; màu Cam Trắng Đ; số khung: RLHKC3078KY01593, số máy: KC34E1033389 do Công an tỉnh Q cấp ngày 27/3/2020 để làm phương tiện đi lại với thời hạn là 01 (một) tháng từ 13/6/2023 đến ngày 13/7/2023; các bên thoả thuận tiền phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn ông D phải trả là 363.000đ/tháng (nếu thanh toán phí đúng hạn là 242.000đ/tháng); địa điểm trả xe là Chi nhánh G - tỉnh Quảng Trị, quá thời hạn mượn mà ông D không trả xe về cho chi nhánh thì vẫn phải chịu phí bảo dưỡng và hao mòn xe theo thoả thuận. Nhưng sau khi mượn xe, ông D đã sử dụng từ đó cho đến nay ông D vẫn không trả lại xe và phí mượn xe như thoả thuận mà hai bên đã ký. Hội đồng xét xử nhận thấy, hai bên ký cam kết mượn xe là phù hợp với quy định tại Điều 314 của BLDS. Ông D đã vi phạm nghĩa vụ cam kết trong giấy mượn xe nên phía nguyên đơn yêu cầu ông D phải tiếp tục thanh toán tiền phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn của 13 kỳ (tháng) với số tiền 4.719.000 đồng (13 kỳ x 363.000 đồng) đúng theo thoả thuận trong Giấy mượn xe và phù hợp với quy định tại Điều 314 của BLDS nên cần chấp nhận.

Như vậy, tính đến ngày 13/8/2024 ông D còn có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty TNHH S tiền có ngay số tiền gốc, lãi và lãi quá hạn là: 18.216.000đ, trong đó: nợ gốc: 11.513.600 đồng, tiền lãi trong hạn: 1,188.141 đồng, tiền lãi quá hạn: 795.130 đồng; Phí bảo dưỡng và hao mòn xe: 4.719.000 đồng.

Tại phiên toà, nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện: Buộc bị đơn phải thanh toán đối với khoản tiền phí quản lý hồ sơ 0,5%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền là: 540.063 đồng và 151.823 đồng lãi quá hạn; Trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không đủ số tiền còn thiếu cho nguyên đơn, thì nguyên đơn có quyền xử lý tài sản bảo đảm là xe mô tô hai bánh BKS 74B1-235.21 theo Hợp đồng cầm cố tài sản số GHM230601005NA20X ngày 13/6/2023; Ông Nguyễn Đăng D phải trả lại cho Công ty TNHH S tiền có ngay 01 xe mô tô hai bánh BKS 74B1-235.21, loại xe Honda Winner X; màu Cam Trắng Đ; số khung: RLHKC3078KY01593, số máy: KC34E1033389 do Công an tỉnh Q cấp ngày 27/3/2020 mang tên Nguyễn Đăng D. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết vụ án đối với một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên ông Nguyễn Đăng D phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật và hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 309, 310, 311, 312, 313, 314, 315, 316, 468 của BLDS; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH S tiền có ngay - đối với ông Nguyễn Đăng D về: “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*”.

Buộc ông Nguyễn Đăng D phải trả cho Công ty TNHH S tiền có ngay số tiền tính đến ngày 13/8/2024 là: 18.216.000 đồng (trong đó: nợ gốc: 11.513.600 đồng, tiền lãi trong hạn: 1,188.141 đồng, tiền lãi quá hạn: 795.130 đồng; Phí bảo dưỡng và hao mòn xe: 4.719.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (13/8/2024), ông Nguyễn Đăng D còn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố tài sản số GHM230601005NA20X ngày 13/6/2023 cho đến khi trả hết nợ gốc.

2. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gồm:

- Buộc bị đơn phải thanh toán đối với khoản tiền phí quản lý hồ sơ 0,5%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền là: 540.063 đồng và 151.823 đồng lãi quá hạn;

- Buộc ông Nguyễn Đăng D phải trả lại cho Công ty TNHH S tiền có ngay 01 xe mô tô hai bánh BKS 74B1-235.21, loại xe Honda Winner X; màu Cam Trắng Đ; số khung: RLHKC3078KY01593, số máy: KC34E1033389 do Công an tỉnh Q cấp ngày 27/3/2020 mang tên Nguyễn Đăng D.

- Trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không đủ số tiền còn thiếu cho nguyên đơn, thì nguyên đơn có quyền xử lý tài sản bảo đảm là xe mô tô hai bánh BKS 74B1-235.21 theo Hợp đồng cầm cố tài sản số GHM230601005NA20X ngày 13/6/2023;

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Đăng D phải chịu 910.800 đồng án phí DSST. Hoàn trả cho Công ty TNHH S tiền có ngay số tiền tạm ứng án phí 427.000 đồng đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/2023 số 0000152 ngày 01/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gio Linh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/8/2024); bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Gio Linh;
- Chi cục THADS huyện Gio Linh;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thanh Tuấn